TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NANH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 29 – 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NANH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Tâm.
2. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát V.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tưởng Văn V, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Chu Văn D, sinh năm 1982 và bà Chu Thị T, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tưởng Văn V trình bày:

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, ông V có cho vợ chồng ông Chu Văn D và bà Chu Thị T vay số tiền 120.000.000đ *(một trăm hai mươi triệu đồng),* thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 18/12/2017 đến ngày 18/6/2018, lãi suất 1,5%/tháng, trả lãi

suất hàng tháng, hai bên có viết giấy vay tiền, ông D và bà T ký dưới mục Bên vay tiền.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ mặc dù ông V đã nhiều yêu cầu nhưng ông D, bà T vẫn không trả số tiền gốc và chỉ trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2019. Từ đó đến nay không trả thêm khoản tiền nào.

Việc ông V cho bà T, ông D vay tiền là bằng số tiền riêng của cá nhân ông V, vợ ông V là bà Nguyễn Thị K không biết và không có liên quan.

Nay nhận thấy ông D, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, ông Tưởng Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Chu Văn D, bà Chu Thị T phải trả cho ông V số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi suất với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/11/2019 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Chu Văn D và bà Chu Thị T trình bày:

Ông D và bà T đều thừa nhận có vay mượn của ông Tưởng Văn V số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vay, lãi suất và đã trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2019 như ông V đã trình bày.

Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, do làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp nên ông D, bà T không có điều kiện kinh tế cũng như mất khả năng trả nợ cho ông V.

Nay ông Tưởng Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Chu Văn D, bà Chu Thị T phải trả cho ông V số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi suất với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/11/2019 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông D, bà T thừa nhận có nợ số tiền trên nhưng hiện tại không có khả năng để trả và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tưởng Văn V đối với ông Chu Văn D và bà Chu Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Tưởng Văn V, bị đơn ông Chu Văn D và bà Chu Thị T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Tưởng Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Chu Văn D và bà Chu Thị T phải trả cho ông V tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 01/11/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn là ông Chu Văn D và bà Chu Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay tại tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Tưởng Văn V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy vay tiền ngày 18/12/2017 thể hiện ông Chu Văn D và bà Chu Thị T có vay của ông Tưởng Văn V số tiền gốc là 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Quá trình giải quyết các đương sự đều thừa nhận ông D, bà T đã trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2019 cho ông V. Nay ông V khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông D, bà T trả cho ông V số tiền gốc là 120.000.000 đồng và chỉ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/11/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Hợp đồng vay tiền giữa ông V, ông D, bà T ngày 18/12/2017 (giấy vay tiền) thuộc trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng phù hợp với mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, hiện nay ông V chỉ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay gốc 120.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng, 0,028%/ngày) tính từ ngày 01/11/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Do đó, tiền lãi của số tiền vay gốc 120.000.000 đồng tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2021) là 22 tháng 28 ngày, cụ thể như sau: (120.000.000 đồng x 22 tháng x 0,83%/tháng) + (120.000.000 đồng x 28 ngày x 0,028%/ngày) = 23.853.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi cần buộc ông D, bà T phải trả cho ông V là 120.000.000 đồng + 23.853.000 đồng = 143.853.000 đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tưởng Văn V là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc ông Chu Văn D và bà Chu Thị T phải trả cho ông Tưởng Văn V tổng số tiền là 143.853.000 đồng, trong đó: Tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi là 23.853.000 đồng.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Chu Văn D và bà Chu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 143.853.000 đồng x 5% = 7.193.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Tưởng Văn V được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tưởng Văn V đối với ông Chu Văn D và bà Chu Thị T.

Buộc ông Chu Văn D và bà Chu Thị T phải trả cho ông Tưởng Văn V tổng số tiền là 143.853.000đ (một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi là 23.853.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Tưởng Văn V có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà ông Chu Văn D và bà Chu Thị T không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Chu Văn D và bà Chu Thị T phải chịu 7.193.000đ (bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Tưởng Văn V số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007137 ngày 9 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố G;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu